UBND TỈNH NINH THUẬN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1677 /KL-STC	*Ninh Thuận, ngày 25 tháng 5 năm 2021*

KẾT LUẬN THANH TRA
Tại Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-STC ngày 15/3/2021 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2018 đến tháng 7 năm 2020 tại Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận.

Xét Báo cáo Kết quả thanh tra số 22/BC-ĐTT ngày 07/5/2021 của Đoàn Thanh tra về việc Báo cáo kết quả thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí ngân sách, nguồn thu hoạt động dịch vụ sản xuất kinh doanh từ năm 2018 đến tháng 7 năm 2020 tại Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận; Báo cáo giải trình số 92/BC-TTDVGCTVNTS ngày 26/4/2021 của Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận;

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. NỘI DUNG THANH TRA

I. Đặc điểm tình hình Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận:

Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận được thành lập theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Giống hải sản cấp I và Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi.

Trung tâm có chức năng nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ về giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; sản xuất dịch vụ về giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản; cung ứng các dịch vụ công trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Về cơ cấu tổ chức, thời điểm chưa hợp nhất, biên chế được giao năm 2019 là 21 người. Lãnh đạo Trung tâm gồm có Giám đốc và 01 phó giám đốc; 02 phòng chuyên môn và 01 trại sản xuất giống. Ngoài ra, Trung tâm còn có lao động thuê ngoài thực hiện một số công việc không thường xuyên tại các trại sản xuất.

Trụ sở của Trung tâm đóng trên địa bàn xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Xã An Hải thuộc khu vực II theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Trung tâm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp

đối với hoạt động sản xuất giống thủy sản; loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGTtheo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015.

II. Các chế độ chính sách về tài chính:

Trung tâm áp dụng chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo quyết toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nguồn tài chính của Trung tâm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 145/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng được mở tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trước thời điểm hợp nhất, năm 2018 Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên; năm 2019 đến tháng 7/2020 Trung tâm thuộc loại hình tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm chủ yếu là sản xuất các loại giống thủy sản như: cá bóp, cá bè, cá chim, cá mú, hàu Thái Bình Dương... tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh và các tỉnh lân cận. Ngoài ra năm 2019, Trung tâm còn thực hiện hoạt động dịch vụ mua bán con giống nhưng số lượng không đáng kể.

III. Số liệu quyết toán các nguồn kinh phí:

1. Nguồn kinh phí ngân sách cấp:

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2018	Năm 2019	Đến T7/2020
I	**Số dư năm trước ch.sang**	**101.995.000**	**68.656.244**	**68.656.244**
	- Nguồn CCTL 10% (TC)	85.800.000	52.461.244	52.461.244
	- Nguồn CCTL 10% (KTC)	16.195.000	16.195.000	16.195.000
II	**Số được cấp trong năm**	**1.124.089.685**	**108.900.000**	**166.000.000**
1	Kinh phí tự chủ	724.600.000		
2	Kinh phí không tự chủ	399.489.685		
3	Kinh phí CTMT	-	108.900.000	166.000.000
III	**Số sử dụng trong năm**	**1.157.428.441**	**108.900.000**	**147.500.000**
1	Kinh phí tự chủ	757.938.756		
	- Chi lương và các khoản PC	*724.600.000*		
	- Chi từ nguồn TK 10% CCTL	*33.338.756*		

2	Kinh phí không tự chủ	399.489.685		
	- Chi PC theo NĐ 116/2010	*364.022.100*		
	- Chi nâng lương	*35.467.585*		
3	Kinh phí CTMT	-	108.900.000	147.500.000
IV	**KP còn lại chuyển năm sau**	**68.656.244**	**68.656.244**	**68.656.244**
	- KP không TC (hủy)			18.500.000
	- Nguồn CCTL 10% (TC)	52.461.244	52.461.244	52.461.244
	- Nguồn CCTL 10% (KTC)	16.195.000	16.195.000	16.195.000

2. Nguồn hoạt động SXKD:

STT	NỘI DUNG	Năm 2018	Năm 2019	Đến T7/2020
I	**Doanh thu**	**6.229.436.055**	**8.262.914.481**	**5.707.489.797**
1	**Doanh thu hoạt động SXKD**	**6.226.631.000**	**8.258.393.000**	**5.705.300.000**
	- Tôm giống	458.340.000	162.300.000	/
	- Tôm thương phẩm	1.519.841.000	2.048.029.000	/
	- Cá giống	3.766.050.000	5.521.464.000	5.705.300.000
	- Hàu giống	482.400.000	526.600.000	
2	**Doanh thu hoạt động TC**	**2.805.055**	**4.521.481**	**2.189.797**
II	**Tổng chi phí**	**5.779.013.166**	**8.026.306.426**	**4.051.898.301**
1	**Chi phí hoạt động SXKD**	**5.443.882.784**	**7.608.625.779**	**3.330.573.577**
	- Tôm giống	685.723.047	130.090.000	/
	- Tôm thương phẩm	1.627.851.607	1.949.878.255	/
	- Cá giống	2.691.670.010	5.032.081.043	3.330.573.577
	- Hàu giống	438.638.120	496.576.481	
2	**Chi phí quản lý**	**335.130.382**	**410.334.351**	**720.886.765**
3	**Chi phí thuế TNDN (20%)**	**561.011**	**7.346.296**	**437.959**
	- Hoạt động dich vụ	/	6.442.000	/
	- Hoạt động tài chính	561.011	904.296	437.959
III	**Lợi nhuận**	**449.861.878**	**236.608.055**	**1.655.153.537**
	- Hoạt động SXKD	447.617.834	232.086.574	1.653.401.699
	- Hoạt động tài chính	2.244.044	4.521.481	1.751.838

IV	**Bổ sung KPHĐ (40% CCTL)**	**179.944.751**	**/**	**/**
V	**Trích lập các quỹ**	**269.917.127**	**236.608.055**	**/**
	- Quỹ phát triển HĐSN	67.479.281	63.608.055	
	- Quỹ khen thưởng	27.437.846	25.000.000	
	- Quỹ phúc lợi	10.000.000	15.000.000	
	- Quỹ ổn định thu nhập	165.000.000	133.000.000	

(Chi tiết kèm theo Phụ lục số 01, 02)

IV. Kết quả thanh tra

1. Nguồn ngân sách cấp:

Trong năm 2020, Trung tâm chi tiền ăn hỗ trợ tập huấn sản xuất thử nghiệm giống cá bè vẩu không đúng đối tượng theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 của Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017, số tiền 1.520.000 đồng (C0332 ngày 31/12/2020).

2. Nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh:

*** Đối với chi ăn ca:**

Trong 3 năm, Trung tâm chi ăn ca cho đối tượng là lao động trực tiếp số tiền 241.400.000 đồng. Về đối tượng chi, Trung tâm chi cho đối tượng là người lao động trực tiếp theo quy định tại điểm b khoản 1 Thông tư số 22/2008/TT-BLĐTBXH là đúng quy định.

Về mức chi, Trung tâm đang áp dụng mức chi 680.000đ/người/tháng theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26/4/2012 . Theo quy định hiện nay, tại khoản 4, Điều 22, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 thì mức chi tiền ăn ca tối đa 730.000 đồng/người/tháng. Như vậy, Trung tâm áp dụng mức chi trên là phù hợp.

*** Đối với chi trang phục, bảo hộ lao động:**

Trong 2 năm 2018, 2019 Trung tâm không thực hiện chi trang phục cho viên chức và người lao động. Năm 2020, Trung tâm chi trang phục và bảo hộ lao động số tiền 111.490.000 đồng, gồm chi bằng tiền mặt (2 đợt) số tiền 65.500.000 đồng; chi mua mũ tai bèo số tiền 4.290.000 đồng; chi mua đồ thể thao số tiền 41.700.000 đồng.

Qua kiểm tra, đối với nội dung chi mua mũ tai bèo, số tiền 4.290.000 đồng phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thủy sản là phù hợp, còn đối với các khoản chi trang phục bằng tiền và chi mua đồ thể thao số tiền 107.200.000 đồng là không phù hợp theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Thông tư số 145/2017/TT-BTC.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 22, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP thì đối với các đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định thì được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp. Do đó, Trung tâm

là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên nên không được vận dụng các khoản chi như doanh nghiệp để tính vào chi phí hoạt động (trong đó có chi trang phục).

Theo giải trình của Lãnh đạo Trung tâm, đối với khoản chi mua đồ thể thao 41.700.000 đồng, do đặc thù của Trung tâm là người lao động trực tiếp nuôi trồng thủy sản nên phải thường xuyên làm việc trong môi trường nước mặn, gió biển và ngoài trời nên cần có bảo hộ lao động phù hợp. Vì vậy đã đề nghị lãnh đạo Trung tâm cho trang bị trang phục có chất liệu bằng vải thun, co giãn tốt và nhanh khô. Tuy nhiên, do sơ suất của bộ phận kế toán nên chứng từ thể hiện mua đồ thể thao là không đúng với thực tế.

3. Về chấp hành chế độ chứng từ kế toán, công tác quản lý tài chính

Kế toán của Trung tâm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ đươc giao, thực hiện tốt công tác hạch toán kế toán, chứng từ hóa đơn theo quy định. Công tác quản lý tài chính của Trung tâm được cải tiến và dần hoàn thiện qua từng năm, đảm bảo khoa học phù hợp với đặc điểm ngành nghề hoạt động được giao.

* Đối với việc thực hiện trình tự, thủ tục mua sắm thức ăn, thuốc thủy sản phục vụ sản xuất dịch vụ tại Trung tâm:

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công thì*: "Giám đốc sở; thủ trưởng ban, ngành, cơ quan, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định mua sắm các loại tài sản…Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng (năm trăm triệu đồng)/01 đơn vị tài sản…Một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ (một gói thầu) có giá trị dưới 1.000 triệu đồng…".* Qua kiểm tra cho thấy, Trung tâm chưa thực hiện đúng quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa theo quy định nêu trên. Cụ thể như sau:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 58/2016/TT-BTC thì: " Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án mua sắm thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu thực hiện trước". Do đó, ngày 13/8/2019, Trung tâm đã lập Tờ trình số 96/TTr-TTGHS gửi Sở Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục mua sắm thức ăn, thuốc thủy sản phục vụ sản xuất giống cá biển, tổng giá trị gói thầu 375.465.620 đồng. Ngày 16/8/2019 Sở Nông nghiệp và PTNT có văn bản số 2341/SNNPTNT-KH gửi Trung tâm đề nghị lập dự toán chi tiết mua sắm từ nguồn thu hoạt động dịch vụ năm 2019 gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét, quyết định làm căn cứ triển khai thực hiện mua sắm theo quy định.

Ngày 05/9/2019, Trung tâm xây dựng dự toán chi tiết theo yêu cầu gửi Sở Nông nghiệp. Tuy nhiên, kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo Tờ trình số 96/TTr-TTGHS vẫn không được phê duyệt và cũng không có phản hồi lại bằng văn bản. Theo giải trình của Lãnh đạo trung tâm, để kịp thời duy trì hoạt động SXKD, Trung tâm phải thực hiện việc mua hàng hóa từng đợt bằng hình thức chỉ định thầu và có giá gói thầu không quá 100 triệu đồng theo Khoản 3, Điều 5 Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND.

Như vậy, việc không thống nhất của Sở chủ quản về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dẫn đến việc Trung tâm thực hiện chia nhỏ gói thầu là không đúng quy định về đấu thầu mua sắm hàng hóa.

4. Về trích lập và sử dụng các quỹ

Trung tâm thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 3, Điều 14 Nghị định số 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Đối với sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Trung tâm trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp từ nguồn trích khấu hao tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và từ lợi nhuận hàng năm, tổng số tiền được trích lập từ năm 2018 đến tháng 7/2020 là 757.273.336 đồng.

Trung tâm được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý dùng nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp nuôi thử nghiệm cá chình hoa thương phẩm, tổng chi phí đã chi từ năm 2018 đến tháng 7/2020 số tiền là 262.892.000 đồng. Theo báo cáo của Trung tâm, đến cuối năm 2020 số tiền thu được từ việc bán cá chình được hoàn trả lại quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp là 150.290.000 đồng.

5. Về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Trung tâm xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm dựa trên hướng dẫn tại Thông tư số 145/2017/TT-BTC hướng dẫn cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và thực hiện tương đối tốt quy chế đã xây dựng. Tuy nhiên, đối với nội dung chi công tác trong tỉnh áp dụng khoảng cách chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND.

Riêng đối với việc xây dựng mức chi trang phục tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/ năm theo khoản 2.7 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp là chưa phù hợp.

Đối với mức khoán chi phụ cấp ăn giữa ca, Trung tâm xây dựng mức chi 680.000 đồng/người/tháng dựa trên quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26/4/2012 của Bộ Lao động. Tuy nhiên, khi xây dựng vào quy chế thì viện dẫn theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH là chưa đúng vì trong Thông tư không có điều khoản này.

Ngoài ra, Trung tâm chưa kịp thời cập nhật văn bản mới để làm căn cứ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định 01/2017/QĐ-UBND, Thông tư 162/2014/TT-BTC, Nghị định 52/2009/NĐ-CP...), các văn bản này đều đã hết hiệu lực.

6. Về trích khấu hao và quản lý tài sản tại đơn vị

6.1. Đối với việc tính hao mòn và trích khấu hao tài sản phục vụ SXKD:

- Trung tâm thuộc đối tượng tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, theo đó đối với hệ thống ao hồ (vật kiến trúc) thời hạn tính hao mòn hoặc khấu hao là 20 năm, tỷ lệ hao mòn là 5%/năm. Qua kiểm tra việc theo dõi và tính hao mòn tài sản, Trung tâm đang áp dụng thời hạn tính hao mòn là 10 năm (tỷ lệ hao mòn 10%/năm) đối với hệ thống ao tại An Hải là không đúng. Qua thanh tra, Đoàn đã xác định lại Trung tâm đã trích hao mòn vượt mức quy định trong 3 năm đối với hệ thống ao tại An Hải số tiền 596.903.319 đồng (phụ lục số 03).

- Đối với tài sản là ao hồ được sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Trung tâm thực hiện việc trích khấu hao theo thời gian thực tế sử dụng để đưa vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức trích khấu hao thực hiện theo phương án hoạt động được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 415/QĐ-SNNPTNT ngày 02/8/2012 như sau:

- Đối với ao nuôi tôm thương phẩm: 11.000 đồng/m^2/năm;

- Trại sản xuất: 350.000 đồng/m^3/năm.

Tổng số tiền trích khấu hao tài sản trong 3 năm là 626.186.000 đồng được Trung tâm bổ sung vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và được quản lý sử dụng theo đúng quy định.

Qua thanh tra cho thấy, mức trích khấu hao tài sản được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt trên cơ sở giá sàn để cho thuê khoán tại văn bản số 978/UBND-TH ngày 16/3/2011 của UBND tỉnh và được Trung tâm thực hiện cho đến nay là không còn phù hợp. Đoàn thanh tra đã tính lại số khấu hao theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 13, Thông tư số 45/2018/TT-BTC là 706.070.100 đồng. Như vậy, Trung tâm phải trích bổ sung khấu hao tài sản là 79.884.100 đồng (706.070.100đ - 626.186.000đ; chi tiết phụ lục số 04).

Mặt khác, theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018, nếu thực hiện mức trích khấu hao trên ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm thì Trung tâm báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trình UBND tỉnh xem xét quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ khấu hao tài sản cố định để được trích thấp hơn so với quy định. Tuy nhiên, đến thời điểm Đoàn thanh tra làm việc Trung tâm vẫn chưa báo cáo, trình cấp thẩm quyền quyết định.

Theo giải trình của Lãnh đạo Trung tâm thì Trung tâm đã xây dựng và đang trình thẩm định Đề án sử dụng tài sản công tại văn bản số 128/TTDVGCTVNTS-HCTH ngày 24/11/2020. Trong lúc chờ quyết định phê duyệt phương án sử dụng tài sản công của cấp có thẩm quyền, Trung tâm đề nghị được tiếp tục áp dụng các văn bản cho phép của UBND tỉnh nêu trên để tính khấu hao tài sản (ao, trại) đưa vào chi phí hoạt động (nội dung này có thể hiện trong Phương án tự chủ tài chính của đơn vị giai đoạn 2019-2021).

6.2. Đối với quản lý và sử dụng tài sản:

a. Đối với tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị:

Theo số liệu trên báo cáo tài chính của Trung tâm, tổng nguyên giá tài sản cố định đến năm 2020 (gồm nhà cửa, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, máy móc...) là 72.418.969.934 đồng (chi tiết phụ lục số 05). Trung tâm đã khai thác sử dụng đúng mục đích, thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản công, phát huy hiệu quả của tài sản hiện có. Tuy nhiên, vẫn còn một số ao, bể nuôi còn bỏ trống chưa đưa vào khai thác.

b. Đối với tài sản là đất:

Trung tâm được cấp có thẩm quyền giao quản lý và sử dụng diện tích đất là 137.616,78 m^2, bao gồm: An Hải: 77.105,28 m^2, Tân Hải: 60.511 m^2. Diện tích đất dự phòng phát triển (chưa đưa vào khai thác) tại An Hải là 11.800 m^2 (chiếm tỷ lệ 8,6%).

Chi tiết diện tích như sau:

ĐVT: m^2

STT	Nội dung	An Hải	Tân Hải	Cộng	Diện tích khai thác (chưa khai thác)/Tổng diện tích
1	Diện tích nhà, trại sản xuất	3.589,28	1.784,5	5.373,78	3,9%
2	Diện tích ao, đìa	36.713	47.382	84.095	61,1%
3	Diện tích sân, trồng cây cảnh	25.003	11.345	36.348	26,4%
4	Đất dự phòng phát triển	11.800	/	11.800	8,6%
	Cộng	**77.105,28**	**60.511,5**	**137.616,78**	**100%**

Về quản lý tài sản, hiện nay Trung tâm đang được nhà nước đầu tư khối lượng tài sản có giá trị tương đối lớn, nhưng việc khai thác hết công năng của khối lượng tài sản trên vẫn còn nhiều hạn chế.

Nguyên nhân khách quan: do nguồn vốn nhà nước đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù theo chức năng còn hạn chế, chưa thực hiện được việc liên doanh liên kết dẫn đến việc phát huy hết cơ sở vật chất hiện có vào sản xuất dịch vụ gặp nhiều khó khăn như do thiếu vốn, thiếu nhân lực có trình độ cao và thiếu quy trình công nghệ.

Nguyên nhân chủ quan: do hàng năm, Trung tâm chưa thực hiện việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 130, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017, từ đó chưa đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng tài sản để có cơ sở đề xuất kiến nghị trình cấp thẩm quyền.

B. KẾT LUẬN

I. Ưu điểm:

Nhìn chung, Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Trung tâm đã nỗ lực phấn đấu trong việc tăng dần mức độ tự chủ trong chi thường xuyên, giảm dần hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, từng bước nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước. Việc chủ trì triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ, các nhiệm vụ chuyên môn đặc thù đã được ứng dụng ngay vào sản xuất dịch vụ của Trung tâm, đặc biệt là các đối tượng giống cá biển. Ngoài ra, trại thực nghiệm Giống thủy sản đã được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng; các đối tượng giống cá biển được tập trung đẩy mạnh sản xuất trong bối cảnh

phải điều chỉnh kế hoạch không nuôi tôm thương phẩm do tình hình dịch bệnh và giá cả bấp bênh.

Trung tâm đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý nguồn tài chính, phản ánh các nguồn kinh phí vào sổ kế toán; thực hiện quy trình, thủ tục mua sắm hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chặt chẽ, đúng quy định về thẩm quyền mua sắm hàng hóa; chứng từ lưu trữ đầy đủ, khoa học, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

II. Những mặt còn tồn tại, hạn chế:

1. Đối với nguồn kinh phí ngân sách: Chi tiền ăn hỗ trợ tập huấn sản xuất thử nghiệm giống cá bè vẩu không đúng đối tượng theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 của Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 số tiền 1.520.000 đồng.

2. Đối với nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh: Chi thanh toán trang phục không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 số tiền 65.500.000.

3. Đối với việc đấu thầu mua sắm hàng hóa, Trung tâm thực hiện chia nhỏ gói thầu mua sắm thức ăn, thuốc thủy sản phục vụ sản xuất dịch vụ là không đúng quy định tại Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về phân cấp quản lý tài sản công.

4. Về xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

- Xây dựng nội dung chi công tác trong tỉnh áp dụng khoảng cách chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND;

- Xây dựng mức chi trang phục tối đa không quá 5.000.000 đồng/người/ năm theo khoản 2.7 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp là chưa phù hợp và chưa đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Thông tư số 145/2017/TT-BTC;

- Viện dẫn căn cứ xây dựng mức khoán chi phụ cấp ăn giữa ca mức chi 680.000 đồng/người/tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH là chưa đúng vì trong Thông tư không có điều khoản này;

- Ngoài ra, Trung tâm căn cứ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ dựa trên các văn bản đã hết hiệu lực (Quyết định 01/2017/QĐ-UBND, Thông tư 162/2014/TT-BTC, Nghị định 52/2009/NĐ-CP...).

5. Về trích khấu hao và quản lý tài sản

- Trung tâm đã trích hao mòn vượt mức quy định trong 3 năm đối với hệ thống ao tại An Hải số tiền 596.903.319 đồng là không đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính;

- Về khấu hao tài sản cố định, Trung tâm trích khấu hao tài sản dựa trên cơ sở giá sàn để cho thuê khoán tại Quyết định số 415/QĐ-SNNPTNT ngày 02/8/2012 của Sở Nông nghiệp và PTNT là không đúng theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Thông tư 45/2018/TT-BTC về việc điều chỉnh tỷ lệ khấu hao tài sản cố định, Trung tâm đã xây dựng và đang trình thẩm định

Đề án sử dụng tài sản công tại văn bản số 128/TTDVGCTVNTS-HCTH ngày 24/11/2020;

- Về quản lý tài sản, hiện nay Trung tâm đang được nhà nước đầu tư khối lượng tài sản có giá trị tương đối lớn (theo số liệu báo cáo tài chính của Trung tâm, tổng nguyên giá tài sản cố định đến năm 2020 là 72.418.969.934 đồng). Nhưng việc khai thác hết công năng của khối lượng tài sản, còn một số ao, bể nuôi bỏ trống chưa đưa vào khai thác, gây lãng phí.

C. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản:

1.1 Xử lý về tài chính:

Thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 67.020.000 đồng, gồm các khoản sau:

- Chi tiền ăn hỗ trợ tập huấn sản xuất thử nghiệm giống cá bè vẩu không đúng đối tượng theo quy định tại Khoản 4, Điều 10 của Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 số tiền 1.520.000 đồng;

- Chi mua trang phục không đúng theo quy định tại khoản 1, Điều 8, Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 số tiền 65.500.000 đồng.

1.2 Xử lý khác:

- Đề nghị Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản khẩn trương khắc phục những tồn tại nêu trên trong việc quản lý tài chính tại đơn vị; kiểm tra chứng từ kế toán trước khi thanh toán;

- Đối với việc đấu thầu mua sắm hàng hóa, đề nghị Trung tâm thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Quyết định số 68/2018/QĐ-UBND của UBND tỉnh về Ban hành phân cấp quản lý tài sản công;

- Đối với việc xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, đề nghị xây dựng nội dung chi công tác trong tỉnh theo quy định tại Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND; xây dựng mức khoán chi phụ cấp ăn giữa ca theo quy định tại khoản 3, Điều 4, Thông tư số 10/2012/TT-BLĐTBXH; cập nhật các văn bản mới để làm căn cứ xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định;

- Đối với việc trích hao mòn vượt mức quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 trong 3 năm đối với hệ thống ao tại An Hải số tiền 596.903.319 đồng, đề nghị đơn vị điều chỉnh hạch toán kế toán;

- Đối với việc trích khấu hao tài sản cố định, trong thời gian chờ phê duyệt phương án sử dụng tài sản công, đề nghị Trung tâm thực hiện việc trích khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính;

- Đối với việc quản lý tài sản, đề nghị thực hiện việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 130, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Đề nghị xây dựng quy chế quản lý tài sản công theo quy định tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Qua thanh tra cho thấy, hiện nay tại Trung tâm một số tài sản được nhà nước đầu tư chưa đưa vào khai thác sử dụng, một số tài sản chưa sử dụng hết công năng. Do đó, đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Trung tâm rà soát các loại tài sản, thiết bị đã được đầu tư tại các cơ sở; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại Điều 130, Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 để có giải pháp đưa vào sử dụng hoặc trình cấp thẩm quyền phương án sử dụng, bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tránh lãng phí;

- Đề nghị chỉ đạo Trung tâm thực hiện nghiêm túc các nội dung sau khi Kết luận thanh tra được ban hành.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, đề nghị Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của đơn vị theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ; báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; | b/c
- Thanh tra tỉnh Ninh Thuận; |
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- TT DV Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu HSTT.TTG

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH NINH THUẬN

Nguyễn Văn Nhựt